

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc
đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 giai đoạn
2018-2025 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ
(Chuyên đề giảng dạy)**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”;


Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;


Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Học viện Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Chuyên đề giảng dạy).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Học viện Dân tộc, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận 

- Như Điều 3;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- BT, CN và các TT, PCN;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, TCCB, HVDT(10).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM




Đỗ Văn Chiến

CHƯƠNG TRÌNH

**Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức
lãnh đạo cấp phòng và tương đương theo Quyết định số 771/QĐ-TTg
ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ**

(Chuyên đề giảng dạy)

*(Ban hành theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /10/2019
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

I. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3 (cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương) theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

1. Mục tiêu chung

Cập nhật, trang bị kiến thức về dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng, để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, học viên:

- Nắm vững kiến thức chung, khái quát về các dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc; củng cố, nâng cao, cập nhật kiến thức về tình hình dân tộc, công tác dân tộc, kết quả và bài học kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về dân tộc của ngành và địa phương.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác dân tộc: kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách, đề xuất chính sách, tổ chức thực hiện chính sách... tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của lãnh đạo cấp phòng.

- Xác định tư tưởng, thái độ đúng đắn: tôn trọng đồng bào các dân tộc, có ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

III. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế dưới dạng các chuyên đề, trên quan điểm phù hợp với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

Các chuyên đề trong chương trình vừa có tính liên kết, thống nhất chung trong hệ thống vừa có tính độc lập tương đối nhằm tạo điều kiện dễ dàng điều chỉnh, cập nhật, bổ sung từng chuyên đề mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu chung của chương trình.

Học viên học đủ các kiến thức trong chương trình sẽ được cấp chứng chỉ theo quy định.

IV. CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức và thời gian bồi dưỡng

a) Chương trình gồm 2 hoạt động chính:

- Giảng dạy: 6 chuyên đề (9 chuyên đề tham khảo được phê duyệt riêng). Trong quá trình giảng dạy kết hợp trao đổi, thảo luận về các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn công tác dân tộc.

- Tìm hiểu thực tiễn công tác dân tộc: Nghe báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh/thành phố, lãnh đạo các sở, ban, ngành trong tỉnh/thành phố (hoặc lãnh đạo các bộ, ngành với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan trung ương) về thực tiễn đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh/thành phố hoặc cả nước. Tọa đàm, trao đổi về một số vấn đề cụ thể (cùng các giải pháp) trong thực tiễn công tác dân tộc hiện nay.

Ngoài ra, chương trình còn bố trí thời lượng 4 tiết để học viên viết bài thu hoạch cuối khóa, 2 tiết cho các hoạt động khai giảng, bế giảng (đầu và cuối khóa học).

b) Thời gian bồi dưỡng: 5 ngày (mỗi ngày 8 tiết).

Thời gian của toàn bộ chương trình là 40 tiết, trong đó:

- Thời gian học trên lớp: 24 tiết

- + Số tiết học lý thuyết: 12 tiết.

- + Số tiết trao đổi, thảo luận nhóm theo chuyên đề: 12 tiết.

- Nghe báo cáo, tìm hiểu thực tế địa phương kết hợp tọa đàm, trao đổi, thảo luận: 10 tiết.

- Số tiết viết thu hoạch: 4 tiết.

- Số tiết khai giảng, bế giảng: 2 tiết.

2. Cấu trúc chương trình

Phần I: Giảng dạy

STT	Chuyên đề	Số tiết		
		Tổng	Lý thuyết	Thảo luận
1	Tổng quan về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	4	2	2
2	Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc	4	2	2
3	Pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số	4	2	2
4	Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh	4	2	2
5	Công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số	4	2	2
6	Công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	4	2	2
	Cộng	24	12	12

Phần II: Tìm hiểu thực tế và viết thu hoạch

STT	Hoạt động	Số tiết
1	Nghe báo cáo thực tế về dân tộc, công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc; tham quan các mô hình phát triển kinh tế - xã hội; tọa đàm, trao đổi, thảo luận về những vấn đề dân tộc, công tác dân tộc của ngành hoặc địa phương.	10
2	Viết bài thu hoạch cuối khóa	4
3	Khai giảng, bế giảng	2
	Cộng	16

V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC BIÊN SOẠN, GIẢNG DẠY, HỌC TẬP CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Đối với việc biên soạn

a) Các chuyên đề được biên soạn theo đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Các chuyên đề được biên soạn dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học.

c) Nội dung chuyên đề phải phù hợp với chức danh lãnh đạo cấp phòng và tương đương, bảo đảm cung cấp cho học viên những kiến thức mới, trau dồi những kiến thức đã có; nâng cao nhận thức về dân tộc, về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; củng cố kỹ năng lãnh đạo, quản lý; cập nhật tình hình chính trị, kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

d) Các chuyên đề phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện thường xuyên bổ sung, cập nhật những kiến thức mới vào nội dung bài giảng, phù hợp với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng và tương đương.

2. Đối với giảng dạy

a) Giảng viên, báo cáo viên:

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp vụ, lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên của Học viện Dân tộc, giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của bộ, ngành, địa phương có kinh nghiệm, hiểu biết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, văn hóa dân tộc.

- Các giảng viên, báo cáo viên cần xây dựng tài liệu, tập hợp các bài tập, tình huống điển hình trong thực tiễn để bảo đảm giảng dạy có chất lượng chương trình này, sát với chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng và tương đương.

b) Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng phương pháp tích cực, lấy học viên làm trung tâm, đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy. Cụ thể: với mỗi chuyên đề có thời lượng 4 tiết, giảng viên trình bày kiến thức chung trong 2 tiết, 2 tiết dành cho thảo luận nhóm. Giảng viên chia học viên trong lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm có tối đa 10 thành viên, cử 1 trưởng nhóm. Thời gian thảo luận từ 30-40 phút. Sau thảo luận, trưởng nhóm thay mặt nhóm trình bày kết quả thảo luận. Giảng viên tổng hợp ý kiến bình luận, góp ý của tất cả học viên trong lớp và đưa ra kết luận cuối cùng.

- Sử dụng triệt để thời gian thảo luận, thực hành dành cho mỗi chuyên đề, có đúc rút bài học kinh nghiệm.

3. Đối với việc học tập của học viên

a) Hiểu rõ vị trí, chức trách, nhiệm vụ và những yêu cầu, mục tiêu của khóa học.

b) Tích cực tham gia vào các hoạt động: nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tiễn công tác dân tộc tại địa phương, đơn vị công tác.

c) Kết thúc khóa học, học viên tiếp thu các kiến thức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, góp phần nâng cao tác phong, phương pháp làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

VI. ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

1. Đánh giá ý thức học tập của học viên theo quy chế học tập của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đánh giá chung cho toàn chương trình thông qua bài thu hoạch cuối khóa, chấm theo thang điểm 10.

LỊCH BIỂU KHÓA BỒI DƯỠNG

Ngày	Sáng	Chiều
Ngày thứ nhất	- Khai giảng (1 tiết) - Chuyên đề 1. Tổng quan về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (4 tiết)	Chuyên đề 2. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về dân tộc và công tác dân tộc (4 tiết)
Ngày thứ hai	Chuyên đề 3. Pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số (4 tiết)	Chuyên đề 4. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh (4 tiết)
Ngày thứ ba	Chuyên đề 5. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số (4 tiết)	Chuyên đề 6. Công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (4 tiết)
Ngày thứ tư	Nghe báo cáo về thực tiễn công tác dân tộc, kinh nghiệm tổ chức thực hiện chính sách của ngành hoặc địa phương (4 tiết)	Viết bài thu hoạch cuối khóa
Ngày thứ năm	Tọa đàm, trao đổi với các đồng chí lãnh đạo về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc của ngành hoặc địa phương. (4 tiết)	- Trao đổi, giải đáp thắc mắc - Bế giảng (1 tiết)

B. NỘI DUNG CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1

TỔNG QUAN VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức về dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, ý thức trách nhiệm, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam, một số thông tin cụ thể về cộng đồng các dân tộc, các vấn đề dân tộc ở địa phương, nơi công tác.

- Vận dụng những hiểu biết về đồng bào dân tộc thiểu số vào thực tiễn: giải quyết các vấn đề cấp thiết ở vùng dân tộc thiểu số, tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được giao của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng.

- Có thái độ, hành vi đúng đắn, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực tiễn công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm liên quan

- a) Khái niệm dân tộc, dân tộc thiểu số
- b) Khái niệm dân tộc thiểu số rất ít người
- c) Khái niệm vùng dân tộc thiểu số
- d) Khái niệm quan hệ dân tộc

2. Lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng các dân tộc thiểu số

- a) Lịch sử hình thành và phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam
- b) Cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay

c) Một số vấn đề lý luận rút ra từ quá trình hình thành và phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam

3. Đặc điểm cơ bản cộng đồng dân tộc thiểu số nước ta

a) Các dân tộc thiểu số nước ta sinh sống chủ yếu ở miền núi, vùng cao trên địa bàn rộng lớn có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh

b) Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú đan xen lẫn nhau, không có vùng lãnh thổ riêng

c) Quy mô dân số các dân tộc thiểu số nước ta khác nhau.

d) Trình độ phát triển các dân tộc thiểu số nước ta không đều nhau

e) Các dân tộc thiểu số nước ta có nền văn hoá truyền thống đặc sắc, góp phần làm nên văn hóa Việt Nam đa dạng và thống nhất

f) Các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết trong chế ngự thiên nhiên và đấu tranh chống giặc ngoại xâm

4. Công lao, đóng góp của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

a) Công lao, đóng góp của đồng bào các DTTS trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

b) Công lao, đóng góp của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay

5. Quan hệ dân tộc ở nước ta hiện nay

a) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với quốc gia dân tộc

b) Quan hệ giữa dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số

c) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với nhau

d) Quan hệ trong nội bộ các dân tộc thiểu số

e) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo

g) Quan hệ tộc người xuyên biên giới

6. Một số vấn đề cấp thiết trong các dân tộc nước ta hiện nay

a) Các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề lịch sử nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước và chế độ XHCN

b) Vấn đề xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc ở nước ta hiện nay

c) Quan hệ dân tộc đang đối mặt với những khó khăn, thách thức

d) Một số vấn đề về tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc, định kiến, phân biệt, kỳ thị và chia rẽ dân tộc

e) Vấn đề thực hiện công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Ở địa phương, nơi anh (chị) công tác có những dân tộc thiểu số nào? Hãy nêu đặc điểm của các dân tộc đó. Trong quá trình tham mưu xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, anh (chị) có căn cứ vào các đặc điểm của các dân tộc thiểu số không?

Câu 2. Ở địa phương hoặc ở đơn vị công tác của anh (chị) có biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti, định kiến, phân biệt, kỳ thị, chia rẽ dân tộc không? Nếu có, thì đề xuất giải pháp như thế nào để giải quyết vấn đề trên?

Câu 3. Quan hệ dân tộc trên địa bàn anh (chị) công tác hiện đang có những vấn đề gì? Với cương vị là lãnh đạo cấp phòng, anh (chị) có những giải pháp gì để tăng cường quan hệ dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, trong thời gian tới?

Câu 4. Trong cộng đồng dân tộc nơi anh (chị) công tác hiện đang có những vấn đề gì? Với cương vị lãnh đạo cấp phòng, anh (chị) có những giải pháp gì để giải quyết vấn đề trên?

Chuyên đề 2
QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG
VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức cơ bản về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu công tác dân tộc trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới. Từ đó, nhận thức được những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, công tác dân tộc ở nước ta.

- Vận dụng những hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới vào thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ theo vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

- Nâng cao nhận thức về lý luận, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung

a) Một số khái niệm liên quan

b) Cơ sở khoa học hình thành quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

c) Sự khác biệt về công tác dân tộc ở Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và thế giới

2. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc qua các thời kỳ cách mạng

a) Thời kỳ trước Đổi mới (1986)

b) Thời kỳ Đổi mới (từ 1986 đến nay)

3. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

- a) Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết
- b) Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể của các Nghị quyết
- c) Hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm
- d) Một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Anh (chị) nhận xét thế nào về những kết quả đã đạt được trong việc triển khai Nghị quyết số 24/NQ-TW về công tác dân tộc ở cơ quan, đơn vị công tác?

Câu 2. Anh (chị) hãy đánh giá khái quát kết quả thực hiện quan điểm “các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển” ở cơ quan, địa phương công tác.

Câu 3. Anh (chị) hãy cho biết tình hình thực hiện các chỉ thị của Ban Bí thư về công tác ở vùng dân tộc Hoa, Chăm, Khmer và Mông trên địa bàn. Phương hướng thời gian tới như thế nào?

Câu 4. Anh (chị) đánh giá khái quát kết quả thực hiện quan điểm: “các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển” ở địa phương.

Chuyên đề 3
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức về pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số; trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

-Nắm vững các văn bản về pháp luật và chính sách hiện hành, tình hình thực hiện pháp luật, chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và định hướng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào việc tham mưu, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

-Nhận thức đúng về vai trò, giá trị của pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Khái quát các quy định pháp luật và chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- a) Các chính sách được quy định trong Hiến pháp
- b) Các chính sách được quy định các bộ luật, luật có liên quan
- c) Các nhóm chính sách quy định tại Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc
- d) Các chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

2. Tình hình thực hiện pháp luật và chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- a) Kết quả
- b) Hạn chế, nguyên nhân hạn chế

3. Định hướng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

a) Những vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng, ban hành pháp luật và chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trong tình hình mới

b) Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

4. Công tác quản lý, điều hành, phối hợp trong việc tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

a) Công tác tham mưu tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách và pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

b) Công tác phân tích, đánh giá tác động của các chính sách trong phạm vi trách nhiệm được giao

c) Công tác tổ chức phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Anh (chị) hãy nêu những kết quả, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở địa phương, đơn vị công tác.

Câu 2. Tình hình thực thi pháp luật ở địa phương, đơn vị công tác của anh (chị) có kết quả, hạn chế gì? Nêu phương hướng, giải pháp trong thời gian tới.

Câu 3. Ở địa phương, nơi anh chị công tác có chính sách dân tộc nào do địa phương ban hành và thực hiện? Nêu kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những giải pháp trong thời gian tới.

Câu 4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở địa phương, đơn vị công tác của anh (chị) có những kết quả, hạn chế gì? Nêu giải pháp trong thời gian tới.

Chuyên đề 4
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ
Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VỮNG MẠNH
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về hệ thống chính trị cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tham mưu xây dựng hệ thống chính trị cơ sở nơi công tác.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước cùng những định hướng, giải pháp cơ bản trong việc xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh.

- Vận dụng các kiến thức đã học trong việc tham mưu đề xuất chính sách và thực hiện các nhiệm vụ công tác dân tộc phù hợp với văn hóa, tập quán, thiết chế xã hội của các dân tộc vùng dân tộc thiểu số.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác tham mưu cho các cấp lãnh đạo, thực thi nhiệm vụ được giao về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung về hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

- a) Khái niệm hệ thống chính trị
- b) Cấu trúc và phương thức vận hành của hệ thống chính trị
- c) Khái niệm hệ thống chính trị cơ sở
- d) Đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay
- e) Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

- a) Những khó khăn từ điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý
- b) Khó khăn, thách thức từ tình hình kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của vùng dân tộc thiểu số đến hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở

c) Tác động từ thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số

3. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh

a) Khái niệm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh

b) Quan điểm của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị

c) Mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị cơ sở

d) Nội dung, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh

4. Những vấn đề đặt ra từ mô hình hệ thống chính trị cơ sở và đổi mới hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

a) Về mô hình tổ chức bộ máy

b) Về cơ chế vận hành

c) Vấn đề xây dựng và sử dụng nguồn nhân lực chính trị

d) Sự phối hợp của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số ở một số địa phương với hệ thống chính trị cấp huyện, tỉnh chưa chặt chẽ

e) Về phương thức hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở

g) Hoạt động của bộ máy chính quyền

5. Một số giải pháp xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

a) Đổi mới cơ sở Đảng ở vùng dân tộc thiểu số

b) Xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở vững mạnh

c) Xây dựng Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị cơ sở

d) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các thiết chế bên trong hệ thống chính trị cơ sở và các mối liên hệ bên ngoài của hệ thống chính trị cơ sở theo tiêu chí gắn bó, hỗ trợ, hướng vào mục tiêu phục vụ nhân dân

e) Đổi mới căn bản công tác cán bộ theo hướng xây dựng chiến lược riêng về đào tạo và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực chính trị cho hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số

6. Một số bài học kinh nghiệm về xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

a) Bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Đảng ủy xã

b) Bài học kinh nghiệm về triển khai thực hiện chính sách dân tộc của Ủy ban nhân dân xã

c) Bài học kinh nghiệm về công tác vận động quần chúng nhân dân của các tổ chức đoàn thể Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh

IV. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Anh (chị) hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn, kết quả và hạn chế trong công tác của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số hiện nay gắn với địa bàn nơi anh (chị) công tác hoặc phụ trách. Đề xuất giải pháp để xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh. Mỗi nhóm phụ trách một nội dung như sau:

1. Về tổ chức cơ sở Đảng
2. Về chính quyền xã
3. Về công tác Mặt trận tổ quốc
4. Về công tác của các đoàn thể

Chuyên đề 5
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa các dân tộc thiểu số; công tác quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước về văn hóa tại địa phương hoặc vị trí tại công tác.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về đặc điểm văn hóa các DTTS; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, quản lý văn hóa các DTTS; về thực trạng, nội dung, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào việc kiểm tra, giám sát, đánh giá chính sách văn hóa, tham mưu chính sách, tổ chức thực hiện chính sách trong thực tiễn công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số.

- Có thái độ nghiêm túc, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. Kiên quyết chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, phân biệt đối xử đối với đồng bào DTTS; hình thành phương pháp công tác phù hợp với tập quán, lối sống của đồng bào các DTTS.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm cơ bản

- a) Khái niệm văn hóa
- b) Khái niệm văn hóa các dân tộc thiểu số
- c) Khái niệm văn hóa vùng và công nghiệp văn hóa
- d) Khái niệm quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số

2. Văn hóa các dân tộc thiểu số

- a) Đặc điểm văn hóa các dân tộc thiểu số
- b) Nhận diện những vấn đề đặt ra đối với văn hóa các dân tộc thiểu số

3. Công tác quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số

- a) Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số
- b) Nội dung của công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số

- c) Nghiệp vụ quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số
- d) Thực trạng công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý văn hóa
- e) Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số

4. Vận dụng kiến thức văn hóa các DTTS, quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS trong công tác của lãnh đạo cấp phòng (và tương đương).

- a) Khởi động tiếp cận kiến thức
- b) Tạo lập, hình thành kiến thức của cá nhân
- c) Thực tập vận dụng kiến thức
- d) Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
- e) Không ngừng tìm tòi, mở rộng, bổ sung kiến thức

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Trên địa bàn anh (chị) công tác, các DTTS có những đặc điểm văn hóa nào? Những đặc điểm văn hóa nào, của DTTS nào cần lưu ý khi anh (chị) tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đồng bào DTTS thực hiện chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước? Liên hệ tại địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 2. Trên địa bàn anh (chị) công tác, những giá trị văn hóa truyền thống nào của đồng bào DTTS đã được bảo tồn? Những giá trị văn hóa nào đã và đang bị mai một, biến đổi? Anh (chị) có kiến nghị gì về việc bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS? Liên hệ với địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 3. Vì sao cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số lại phải am hiểu về văn hóa DTTS và am hiểu công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số? Công tác quản lý nhà nước về văn hóa DTTS hiện nay đã có những thành tựu và hạn chế gì? Liên hệ với địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 4. Tác động của những yếu tố văn hóa mới hiện nay đến đời sống của đồng bào DTTS như thế nào? Theo anh (chị), để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS thì cần phải thực hiện những giải pháp nào? Giải pháp nào là quan trọng nhất, vì sao? Liên hệ với địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị)

Chuyên đề 6
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH
Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng những kiến thức chung về quốc phòng, an ninh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, thực tiễn công tác quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay, trên cơ sở đó làm tốt công tác tham mưu xây dựng, thực hiện sự gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về khái niệm, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực tiễn công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Vận dụng kiến thức đã học vào việc tham mưu xây dựng, thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nêu cao tinh thần cảnh giác và kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động chống phá cách mạng ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm liên quan

a) Khái niệm quốc phòng toàn dân

b) Khái niệm an ninh nhân dân

2. Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch khi lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống phá chính quyền ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá chính quyền Việt Nam của các thế lực thù địch

b) Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

3. Một số điểm nóng chính trị, xã hội về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Một số bài học kinh nghiệm qua các vụ xung đột xã hội, dân tộc

b) Một số bài học kinh nghiệm qua các vụ bạo loạn ở vùng dân tộc thiểu số những năm gần đây

4. Quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Trình bày quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số theo các vấn đề:

a) Chiến lược bảo vệ tổ quốc

b) Chiến lược về bảo đảm an ninh

c) Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia

d) Phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia,...

5. Một số giải pháp chủ yếu tăng cường quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

a) Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi

b) Nắm bắt, đánh giá đúng tình hình đang tác động đến quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, làm tốt công tác tham mưu, tránh bị động, bất ngờ trước mọi diễn biến

c) Giải pháp phòng, chống hoạt động ly khai dân tộc

d) Giải pháp phòng, chống hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi

e) Giải pháp phòng chống bạo loạn, gây rối đe dọa quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

g) Giải pháp đấu tranh phòng, chống tác động từ an ninh phi truyền thống để kích động, lôi kéo đồng bào dân tộc, tôn giáo chống phá chính quyền của các thế lực thù địch

h) Giải pháp phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

6. Một số kỹ năng quản lý và tham mưu xây dựng, thực hiện sự gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc và miền núi tại địa phương đối với lãnh đạo cấp phòng

a) Các yêu cầu của công tác tham mưu

b) Các kỹ năng khi tham mưu xây dựng kế hoạch có sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh

IV. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Anh (chị) hiểu như thế nào về “điểm nóng” trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh? Địa phương của anh (chị) có vấn đề có thể trở thành điểm nóng về quốc phòng, an ninh không? Hãy dự báo xu hướng và phương án giải quyết.

Câu 2. Anh (chị) hiểu như thế nào về việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo kích động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, li khai dân tộc của các thế lực phản động? Tại địa phương, nơi anh (chị) công tác có nguy cơ xảy ra vấn đề này không? Nêu dự kiến phương án giải quyết của anh (chị) về vấn đề này.

Câu 3. Theo anh (chị), làm thế nào để ổn định nhanh những vùng có hiện tượng di cư trái phép, tranh chấp đất đai, đơn thư khiếu kiện về các hoạt động cuộc sống hàng ngày?

Câu 4. Phân tích vấn đề an ninh phi truyền thống tại địa phương anh (chị) đang tác động đến công tác quốc phòng, an ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003): *Nghị quyết 24, Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.*
3. Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 24 và chỉ thị số 45 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2019): *Báo cáo số 58/BCĐTW ngày 04/9/2019 về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc.*
4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2003): *Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.* Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Văn hóa - Thông tin (2003): *Quyết định số 1472/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2003 về việc phê duyệt dự án “Xây dựng một số làng, bản, buôn văn hóa ở vùng có hoàn cảnh đặc biệt”.*
6. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2019): *Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL ngày 23/2/2019 về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”.*
7. Chính phủ (2011): *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.*
8. Chính phủ (2019): *Nghị định 02/2019/NĐ-CP về phòng thủ dân sự.*
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989): *Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 về Một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi.*
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII),* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc.*
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc (Nghị quyết số 24-NQ/TW),* Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc*

- lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009): *Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 về công tác dân tộc*.
 15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009): *Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 về công tác dân tộc*.
 16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012): *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*.
 18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở*.
 19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015): *Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*.
 21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.
 22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 “Về Chiến lược quốc phòng Việt Nam”*
 23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 “Về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”*.
 24. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1996): *Văn hoá dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 25. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018): *Giáo trình cao cấp Lý luận chính trị: Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 26. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Văn hoá và phát triển (2004): *Văn hoá và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và*

thực tiễn, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

27. Hội đồng Bộ trưởng (1990): *Quyết định 72-HĐBT ngày 13/3/1990 về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi*.
28. Quốc hội (2013): Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam.
29. Quốc hội (2013): *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*.
30. Quốc hội (2015): *Luật tổ chức Chính quyền địa phương*.
31. Quốc hội (2015): *Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020*.
32. Quốc hội (2018): Luật Công an nhân dân.
33. Quốc hội (2018): Luật Quốc phòng.
34. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 về phê duyệt đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các tộc người thiểu số Việt Nam*.
35. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 19/2003/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2005*.
36. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 12/6/2003 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc*.
37. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 31/2003/QĐ-TTg ngày 26/03/2003 về việc bổ sung xây dựng một số làng bản, buôn văn hóa ở vùng có hoàn cảnh đặc biệt vào chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2001-2005*.
38. Thủ tướng Chính phủ (2009): *Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*.
39. Thủ tướng Chính phủ (2010): *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*.
40. Thủ tướng Chính phủ (2013): *Quyết định 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.

41. Thủ tướng Chính phủ (2013): *Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.*
42. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09-01-2015 “Về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”*
43. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 về việc Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.*
44. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.*
45. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025.*
46. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.*
47. Tổng cục Thống kê (1979): *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam.*
48. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện triết học (2002): *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Ủy ban Dân tộc (2003): *Sổ tay Công tác dân tộc (Lưu hành nội bộ).*

CHƯƠNG TRÌNH

**Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với công chức, viên chức
không giữ chức vụ lãnh đạo theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018
của Thủ tướng Chính phủ (Chuyên đề giảng dạy)**

*(Ban hành theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 23 /10/2019
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

I. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG

Công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 4 (công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo) theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

1. Mục tiêu chung

Cập nhật, trang bị kiến thức về dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về các dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc; hiểu rõ, nắm chắc tình hình dân tộc, công tác dân tộc, kết quả và bài học kinh nghiệm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về dân tộc của ngành và địa phương.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác dân tộc: tổ chức thực hiện chính sách, nắm bắt thông tin, xử lý các tình huống kinh tế - chính trị - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số... nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân tộc.

- Xác định tư tưởng, thái độ đúng đắn: tôn trọng đồng bào các dân tộc, có ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

III. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế dưới dạng các chuyên đề, trên quan điểm phù hợp với đối tượng là công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

Các chuyên đề trong chương trình vừa có tính liên kết, thống nhất chung trong hệ thống vừa có tính độc lập tương đối nhằm tạo điều kiện dễ dàng điều

chính, cập nhật, bổ sung từng chuyên đề mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu chung của chương trình.

Học viên học đủ các kiến thức trong chương trình sẽ được cấp chứng chỉ theo quy định.

IV. CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức và thời gian bồi dưỡng

a) Chương trình gồm 2 hoạt động chính:

- Giảng dạy: 6 chuyên đề (8 chuyên đề tham khảo được phê duyệt riêng). Trong quá trình giảng dạy kết hợp trao đổi, thảo luận về các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn công tác dân tộc.

- Tìm hiểu thực tiễn công tác dân tộc: Nghe báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh/thành phố, lãnh đạo các sở, ban, ngành trong tỉnh/thành phố (hoặc lãnh đạo các bộ, ngành với đối tượng là công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo thuộc các cơ quan trung ương) về thực tiễn đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh/thành phố hoặc cả nước. Tham quan một số mô hình phát triển kinh tế - xã hội, mô hình quản lý cộng đồng tại địa phương (với các lớp tổ chức tại địa phương) hoặc tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống của Hà Nội (với các lớp tổ chức tại trung ương).

Ngoài ra, chương trình còn bố trí thời lượng 4 tiết để học viên viết bài thu hoạch cuối khóa, 2 tiết cho các hoạt động khai giảng, bế giảng (đầu và cuối khóa học).

b) Thời gian bồi dưỡng: 5 ngày (mỗi ngày 8 tiết).

Thời gian của toàn bộ chương trình là **40** tiết, trong đó:

- Thời gian học trên lớp: **24** tiết
- + Số tiết học lý thuyết: **12** tiết.
- + Số tiết trao đổi, thảo luận nhóm theo chuyên đề: **12** tiết.
- Nghe báo cáo, tìm hiểu thực tế địa phương kết hợp tọa đàm, trao đổi, thảo luận: **10** tiết.
- Số tiết viết thu hoạch: **4** tiết.
- Số tiết khai giảng, bế giảng: **2** tiết.

2. Cấu trúc chương trình

Phần I: Giảng dạy

STT	Chuyên đề	Số tiết		
		Tổng	Lý thuyết	Thảo luận
1	Tổng quan về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	4	2	2

2	Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc	4	2	2
3	Pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số	4	2	2
4	Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh	4	2	2
5	Công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số	4	2	2
6	Công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	4	2	2
	Cộng	24	12	12

Phần II: Tìm hiểu thực tế và viết thu hoạch

STT	Hoạt động	Số tiết
1	Nghe báo cáo thực tế về dân tộc, công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc; tham quan các mô hình phát triển kinh tế - xã hội; tọa đàm, trao đổi, thảo luận về những vấn đề dân tộc, công tác dân tộc của ngành hoặc địa phương.	10
2	Viết bài thu hoạch cuối khóa	4
3	Khai giảng, bế giảng	2
	Cộng	16

V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC BIÊN SOẠN, GIẢNG DẠY, HỌC TẬP CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Đối với việc biên soạn

a) Các chuyên đề được biên soạn theo đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Các chuyên đề được biên soạn dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học.

c) Nội dung chuyên đề phải phù hợp với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, bảo đảm cung cấp cho học viên những kiến thức mới, trau dồi những kiến thức đã có; nâng cao nhận thức về dân tộc, về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; củng cố các kỹ năng công tác ở vùng dân tộc

thiểu số; cập nhật tình hình chính trị, kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

d) Các chuyên đề phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện thường xuyên bổ sung, cập nhật những kiến thức mới vào nội dung bài giảng, phù hợp với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

2. Đối với giảng dạy

a) Giảng viên, báo cáo viên:

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp vụ, lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên của Học viện Dân tộc, giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của bộ, ngành, địa phương có kinh nghiệm, hiểu biết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, văn hóa dân tộc.

- Các giảng viên, báo cáo viên cần đầu tư nghiên cứu tài liệu, tập hợp các bài tập, tình huống điển hình trong thực tiễn để bảo đảm giảng dạy có chất lượng chương trình này, sát với chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

b) Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng phương pháp tích cực, lấy học viên làm trung tâm, đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy. Cụ thể: với mỗi chuyên đề có thời lượng 4 tiết, giảng viên trình bày kiến thức chung trong 2 tiết, 2 tiết dành cho thảo luận nhóm. Giảng viên chia học viên trong lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm tối đa 10 thành viên, cử 1 trưởng nhóm. Thời gian thảo luận từ 30-40 phút. Sau thảo luận, trưởng nhóm thay mặt nhóm trình bày kết quả thảo luận. Giảng viên tổng hợp ý kiến bình luận, góp ý của tất cả học viên trong lớp và đưa ra kết luận cuối cùng.

- Sử dụng triệt để thời gian thảo luận, thực hành dành cho mỗi chuyên đề, có đúc rút bài học kinh nghiệm.

3. Đối với việc học tập của học viên

a) Hiểu rõ vị trí, chức trách, nhiệm vụ và những yêu cầu, mục tiêu của khóa học.

b) Tích cực tham gia vào các hoạt động: nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận, liên hệ với thực tiễn công tác dân tộc tại địa phương, đơn vị công tác.

c) Kết thúc khóa học, học viên tiếp thu các kiến thức, kỹ năng được bồi dưỡng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

VI. ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

1. Đánh giá ý thức học tập của học viên theo quy chế học tập của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đánh giá chung cho toàn chương trình thông qua bài thu hoạch cuối khóa, chấm theo thang điểm 10.

LỊCH BIỂU KHÓA BỒI DƯỠNG

Ngày	Sáng	Chiều
Ngày thứ nhất	- Khai giảng (1 tiết) - Chuyên đề 1. Tổng quan về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (4 tiết)	Chuyên đề 2. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc (4 tiết)
Ngày thứ hai	Chuyên đề 3. Pháp luật và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số (4 tiết)	Chuyên đề 4. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh (4 tiết)
Ngày thứ ba	Chuyên đề 5. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số (4 tiết)	Chuyên đề 6. Công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (4 tiết)
Ngày thứ tư	Nghe báo cáo về dân tộc, công tác dân tộc và kinh nghiệm thực hiện chính sách dân tộc của ngành hoặc địa phương (4 tiết)	Viết bài thu hoạch cuối khóa
Ngày thứ năm	Tọa đàm, trao đổi với các đồng chí lãnh đạo về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc của ngành hoặc địa phương. (4 tiết)	- Trao đổi, giải đáp thắc mắc - Bế giảng (1 tiết)

B. NỘI DUNG CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1

TỔNG QUAN VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo kiến thức về dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, từ đó thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam, những thông tin cụ thể về cộng đồng các dân tộc và các vấn đề dân tộc ở địa phương, nơi công tác.

Vận dụng những hiểu biết về đồng bào dân tộc thiểu số vào thực tiễn công tác ở vùng dân tộc thiểu số, tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được giao của công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

- Có thái độ, hành vi đúng đắn, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực tiễn công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm liên quan

- a) Khái niệm dân tộc, dân tộc thiểu số
- b) Khái niệm dân tộc thiểu số rất ít người
- c) Khái niệm vùng dân tộc thiểu số
- d) Khái niệm quan hệ dân tộc

2. Lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng các dân tộc thiểu số

- a) Lịch sử hình thành và phát triển của các dân tộc thiểu số Việt Nam
- b) Cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay

3. Đặc điểm cơ bản cộng đồng dân tộc thiểu số nước ta

- a) Các dân tộc thiểu số nước ta sinh sống chủ yếu ở miền núi, vùng cao trên địa bàn rộng lớn có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh
- b) Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú đan xen lẫn nhau, không có vùng lãnh thổ riêng
- d) Trình độ phát triển các dân tộc thiểu số nước ta không đều nhau
- e) Các dân tộc thiểu số nước ta có nền văn hoá truyền thống đặc sắc, góp phần làm nên văn hóa Việt Nam đa dạng và thống nhất.
- f) Các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết trong chế ngự thiên nhiên và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

4. Công lao, đóng góp của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

- a) Công lao, đóng góp của đồng bào các DTTS trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ
- b) Công lao, đóng góp của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay

5. Quan hệ dân tộc ở nước ta hiện nay

- a) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với quốc gia dân tộc
- b) Quan hệ giữa dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số
- c) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với nhau
- d) Quan hệ trong nội bộ các dân tộc thiểu số
- e) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo
- g) Quan hệ tộc người xuyên biên giới

6. Một số vấn đề cấp thiết trong các dân tộc nước ta hiện nay

- a) Các thế lực thù địch, lợi dụng các vấn đề lịch sử để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước và chế độ XHCN
- b) Vấn đề xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc thiểu số
- c) Quan hệ dân tộc đang đối mặt với những khó khăn, thách thức
- d) Một số vấn đề về tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc, định kiến, phân biệt, kỳ thị và chia rẽ dân tộc
- e) Vấn đề thực hiện công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Ở địa phương, nơi anh (chị) công tác có những dân tộc thiểu số nào? Hãy nêu đặc điểm của các dân tộc đó.

Câu 2. Trong cộng đồng, nơi anh (chị) công tác có biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti, định kiến, phân biệt, kỳ thị, chia rẽ dân tộc không? Giải pháp khắc phục như thế nào?

Câu 3. Quan hệ dân tộc trên địa bàn anh (chị) công tác hiện đang có những vấn đề gì? Để tăng cường quan hệ dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, theo anh (chị) cần có những giải pháp gì?

Câu 4. Trong cộng đồng dân tộc nơi anh (chị) công tác hiện đang nảy sinh những vấn đề gì? Theo anh (chị) cần có giải pháp như thế nào?

Chuyên đề 2
QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG
VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC
(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo những kiến thức cơ bản về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; nâng cao nhận thức về lý luận, thực tiễn về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những quan điểm, chủ trương, đường lối cơ bản của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới. Từ đó, nhận thức được những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, công tác dân tộc ở nước ta.

- Vận dụng những hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới vào thực tiễn công tác; nâng cao hiệu quả thực thi công vụ tương ứng với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

- Nâng cao nhận thức về lý luận, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc; vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung

a) Một số khái niệm liên quan

b) Cơ sở khoa học hình thành quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

2. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc qua các thời kỳ cách mạng

a) Thời kỳ trước Đổi mới (1986)

b) Thời kỳ Đổi mới (từ 1986 đến nay)

3. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

- a) Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết
- b) Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể của các Nghị quyết
- c) Hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm
- d) Một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Theo anh (chị), việc triển khai Nghị quyết số 24/NQ-TW về công tác dân tộc ở cơ quan, đơn vị công tác có những thành tựu, hạn chế như thế nào? Nêu các nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Câu 2. Anh (chị) hãy cho biết: ở địa phương, đơn vị công tác có triển khai nghị quyết chuyên đề nào về công tác dân tộc không? Nếu có, trình bày nội dung nghị quyết. Nếu chưa có, nêu rõ lý do tại sao.

Câu 3. Anh (chị) hãy cho biết tình hình thực hiện các chỉ thị của Ban Bí thư về công tác ở vùng dân tộc Hoa, Chăm, Khmer và Mông trên địa bàn. Phương hướng thời gian tới như thế nào?

Câu 4. Anh (chị) đánh giá khái quát kết quả thực hiện quan điểm: “các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển” ở địa phương.

Chuyên đề 3
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo những kiến thức cơ bản về pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số; trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững các văn bản về pháp luật và chính sách hiện hành, tình hình thực hiện pháp luật, chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và định hướng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào việc thu thập và tổng hợp thông tin, phát hiện các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, từ đó đề xuất giải pháp, tổ chức thực hiện chính sách trong phạm vi trách nhiệm được giao.

- Nhận thức đúng về vai trò, giá trị của pháp luật và chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Khái quát các quy định pháp luật và chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- a) Các chính sách được quy định trong Hiến pháp
- b) Các chính sách được quy định các bộ luật, luật có liên quan
- c) Các nhóm chính sách quy định tại Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc
- d) Các chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

2. Tình hình thực hiện pháp luật và chính sách hiện hành của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- a) Kết quả
- b) Hạn chế, nguyên nhân hạn chế

3. Định hướng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

- a) Những vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng, ban hành pháp luật và chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trong tình hình mới
- b) Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

4. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- a) Tổ chức thực hiện; thu thập và tổng hợp thông tin, phát hiện các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số
- b) Tổng hợp, đánh giá đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện chính sách trong phạm vi trách nhiệm được giao
- c) Công tác vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách của nhà nước; tổng hợp ý kiến phản ánh của nhân dân về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số
- d) Công tác tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ cộng đồng và hộ gia đình vùng dân tộc thiểu số

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Anh (chị) hãy nêu những kết quả, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở địa phương, đơn vị công tác.

Câu 2. Hãy nêu kinh nghiệm của anh (chị) trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy định pháp luật và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nơi anh (chị) công tác.

Câu 3. Hãy nêu kinh nghiệm của anh (chị) trong tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị công tác.

Câu 4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở địa phương, đơn vị công tác được thực hiện như thế nào? Nêu rõ kết quả, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới.

Chuyên đề 4
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ
Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG MẠNH
(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về hệ thống chính trị cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị cơ sở nơi công tác.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số cùng những chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay.

- Vận dụng các kiến thức đã học trong việc thực thi các chính sách và thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc phù hợp với văn hóa, tập quán, thiết chế xã hội của các dân tộc vùng dân tộc thiểu số.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ được giao về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung về hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

a) Khái niệm hệ thống chính trị

b) Cấu trúc và phương thức vận hành của hệ thống chính trị

c) Khái niệm hệ thống chính trị cơ sở

d) Đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

e) Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số

a) Những khó khăn từ điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý

b) Khó khăn, thách thức từ tình hình kinh tế- chính trị, văn hóa - xã hội của vùng dân tộc thiểu số đến hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở

c) Tác động từ thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số

3. Chính quyền địa phương và vấn đề thực thi quyền lực nhà nước ở địa phương

a) Khái niệm chính quyền địa phương

b) Khái niệm và đặc điểm của chính quyền cơ sở

c) Vai trò của công chức, viên chức trong chính quyền cơ sở

4. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị cơ sở

a) Chức năng, nhiệm vụ và vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

b) Nhiệm vụ chính trị của cán bộ, công chức trong Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội ở cơ sở

5. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh

a) Khái niệm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh

b) Nội dung xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh

c) Nhiệm vụ và giải pháp

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Anh (chị) hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn, kết quả và hạn chế trong công tác của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số hiện nay gắn với địa bàn nơi anh (chị) công tác. Đề xuất giải pháp để xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số vững mạnh. Chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận một nội dung:

1. Về tổ chức cơ sở Đảng

2. Về chính quyền xã

3. Về công tác Mặt trận tổ quốc

4. Về công tác của các đoàn thể

Chuyên đề 5
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hóa các dân tộc thiểu số; công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số (DTTS), từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác một cách phù hợp với từng dân tộc, địa bàn, nhằm thực hiện có hiệu quả, chất lượng nhiệm vụ đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về đặc điểm văn hóa các DTTS; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về văn hóa, quản lý văn hóa các DTTS; về thực trạng, nội dung, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS.

- Vận dụng kiến thức văn hóa DTTS và quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số vào thực tiễn công tác quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số, tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao nhận thức, có thái độ, hành vi đúng đắn trong thực tiễn công tác ở vùng dân tộc thiểu số: tôn trọng văn hóa các dân tộc, tôn trọng người dân - chủ thể văn hóa, kiên quyết chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, phân biệt đối xử... với đồng bào dân tộc thiểu số; hình thành phương pháp công tác phù hợp với tập quán, lối sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm cơ bản

a) Khái niệm văn hóa

b) Khái niệm văn hóa các dân tộc thiểu số

c) Khái niệm quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số

2. Văn hóa các dân tộc thiểu số

a) Đặc điểm văn hóa các dân tộc thiểu số

b) Nhận diện những vấn đề đặt ra đối với văn hóa các dân tộc thiểu số

3. Công tác quản lý văn hóa các dân tộc thiểu số

- a) Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số
- b) Nội dung của công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số
- c) Thực trạng công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý văn hóa
- d) Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Trên địa bàn anh (chị) công tác, các DTTS có những đặc điểm văn hóa nào? Những đặc điểm văn hóa nào, của DTTS nào cần lưu ý khi anh (chị) tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước? Liên hệ tại địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 2. Trên địa bàn anh (chị) công tác, những giá trị văn hóa truyền thống nào của đồng bào DTTS đã được bảo tồn? Những giá trị văn hóa nào đã và đang bị mai một, biến đổi? Anh (chị) có kiến nghị gì về việc bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS? Liên hệ với địa phương nơi công tác hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 3. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa các DTTS hiện nay có những thành tựu và hạn chế như thế nào? Liên hệ với địa phương hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Câu 4. Đời sống văn hóa của đồng bào DTTS hiện nay như thế nào? Đồng bào được hưởng thụ những giá trị văn hóa mới nào? Tác động của những yếu tố văn hóa mới hiện nay đến sống của đồng bào DTTS? Liên hệ với địa phương hoặc vị trí công tác hiện tại của anh (chị).

Chuyên đề 6
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH
Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Dành cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị, cập nhật cho công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo những kiến thức chung về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Nhận diện những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch khi lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống phá chính quyền, trên cơ sở đó thực hiện tốt nhiệm vụ gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc và miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chuyên đề, học viên:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực tiễn công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện nhiệm vụ gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình, thực tiễn công tác dân tộc hiện nay.

- Nêu cao tinh thần cảnh giác và kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động chống phá cách mạng ở vùng dân tộc và miền núi.

II. NỘI DUNG

1. Một số khái niệm liên quan

a) Khái niệm quốc phòng toàn dân

b) Khái niệm an ninh nhân dân

2. Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch khi lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống phá chính quyền ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá chính quyền Việt Nam của các thế lực thù địch

b) Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

3. Một số điểm nóng chính trị, xã hội về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Một số bài học kinh nghiệm qua các vụ xung đột xã hội, dân tộc

b) Một số bài học kinh nghiệm qua các vụ bạo loạn ở vùng dân tộc thiểu số những năm gần đây

4. Quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Trình bày quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số theo các vấn đề:

a) Chiến lược bảo vệ tổ quốc

b) Chiến lược về bảo đảm an ninh

c) Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia

d) Phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia,...

5. Một số giải pháp chủ yếu tăng cường quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

a) Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi

b) Nắm bắt, đánh giá đúng tình hình đang tác động đến quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi, làm tốt công tác tham mưu, tránh bị động, bất ngờ trước mọi diễn biến

c) Giải pháp phòng, chống hoạt động ly khai dân tộc

d) Giải pháp phòng, chống hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi

e) Giải pháp phòng chống bạo loạn, gây rối đe dọa quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

g) Giải pháp đấu tranh phòng, chống tác động từ an ninh phi truyền thống để kích động, lôi kéo đồng bào dân tộc, tôn giáo chống phá chính quyền của các thế lực thù địch

h) Giải pháp phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

6. Thực hiện nhiệm vụ gắn kết phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc và miền núi

a) Quy hoạch xây dựng các dự án, công trình phát triển KTXH gắn với nhiệm vụ quốc phòng

b) Phát triển kinh tế - xã ở hội giảm nghèo, giảm khoảng cách chênh lệch và bất bình đẳng xã hội ở vùng dân tộc.

c) Xây dựng các đơn vị kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn trọng yếu, khu vực biên giới,...

d) Tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức INGO, các quốc gia khu vực và thế giới, đi đôi với đấu tranh, không chủ quan, mơ hồ, mất cảnh giác,...

III. CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Anh (chị) hiểu như thế nào về vị trí, vai trò của công tác quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi? Mối quan hệ giữa nhiệm vụ anh (chị) đang thực hiện với vấn đề quốc phòng, an ninh vùng dân tộc và miền núi hiện nay?

Câu 2. Theo anh (chị), nên áp dụng những giải pháp cơ bản nào để phòng, chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo kích động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, li khai dân tộc của các thế lực phản động? Tại địa phương, nơi anh (chị) công tác có nguy cơ xảy ra vấn đề này không? Nêu dự kiến phương án giải quyết của anh (chị) về vấn đề này.

Câu 3. Theo anh (chị), làm thế nào để giải quyết nhanh những xung đột xã hội, xung đột dân tộc trong đời sống của khu dân cư dân tộc và miền núi hàng ngày, tránh bùng phát thành vấn đề quốc phòng, an ninh trong khu vực?

Câu 4. Phân tích những nguy cơ từ vấn đề an ninh phi truyền thống đang tác động đến công tác quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003): *Nghị quyết 24, Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.*
3. Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 24 và chỉ thị số 45 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2019): *Báo cáo số 58/BCĐTW ngày 04/9/2019 về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc.*
4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2003): *Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.* Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Văn hóa - Thông tin (2003): *Quyết định số 1472/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2003 về việc phê duyệt dự án "Xây dựng một số làng, bản, buôn văn hóa ở vùng có hoàn cảnh đặc biệt".*
6. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2019): *Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL ngày 23/2/2019 về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay".*
7. Chính phủ (2011): *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.*
8. Chính phủ (2019): *Nghị định 02/2019/NĐ-CP về phòng thủ dân sự.*
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989): *Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 về Một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi.*
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII),* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc.*
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003): *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc (Nghị quyết số 24-NQ/TW),* Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009): *Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 về công tác dân tộc.*
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009): *Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 về công tác dân tộc.*
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012): *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.*
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.*
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015): *Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.*
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.*
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 “Về Chiến lược quốc phòng Việt Nam”*
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 “Về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”.*
24. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1996): *Văn hoá dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*
25. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018): *Giáo trình cao cấp Lý luận chính trị: Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.*
26. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Văn hoá và phát triển (2004): *Văn hoá và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.*
27. Hội đồng Bộ trưởng (1990): *Quyết định 72-HĐBT ngày 13/3/1990 về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi.*
28. Quốc hội (2013): *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam.*
29. Quốc hội (2013): *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*
30. Quốc hội (2015): *Luật tổ chức Chính quyền địa phương.*
31. Quốc hội (2015): *Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.*
32. Quốc hội (2018): *Luật Công an nhân dân.*
33. Quốc hội (2018): *Luật Quốc phòng.*
34. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 về phê duyệt đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các tộc người thiểu số Việt Nam.*

35. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 19/2003/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2005.*
36. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 12/6/2003 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc.*
37. Thủ tướng Chính phủ (2003): *Quyết định số 31/2003/QĐ-TTg ngày 26/03/2003 về việc bổ sung xây dựng một số làng bản, buôn văn hóa ở vùng có hoàn cảnh đặc biệt vào chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2001-2005.*
38. Thủ tướng Chính phủ (2009): *Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.*
39. Thủ tướng Chính phủ (2010): *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.*
40. Thủ tướng Chính phủ (2013): *Quyết định 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.*
41. Thủ tướng Chính phủ (2013): *Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.*
42. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09-01-2015 “Về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”*
43. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 về việc Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.*
44. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.*
45. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025.*
46. Thủ tướng Chính phủ (2016): *Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.*
47. Tổng cục Thống kê (1979): *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam.*
48. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện triết học (2002): *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Ủy ban Dân tộc (2003): *Sổ tay Công tác dân tộc (Lưu hành nội bộ).*

DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(*Danh sách tỉnh, thành phố phát hành văn bản*).

Stt	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Ghi chú
1	An Giang	
2	Bạc Liêu	
3	Bắc Giang	
4	Bắc Kạn	
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	
6	Bình Định	
7	Bình Phước	
8	Bình Thuận	
9	Cao Bằng	
10	Cà Mau	
11	Cần Thơ	
12	Đắk Lắk	
13	Đắk Nông	
14	Điện Biên	
15	Đồng Nai	
16	Gia Lai	
17	Hà Giang	
18	Hà Tĩnh	
19	Hà Nội	
20	Hậu Giang	
21	Hòa Bình	
22	Hồ Chí Minh	
23	Khánh Hòa	
24	Kiên Giang	
25	Kon Tum	
26	Lai Châu	
27	Lào Cai	
28	Lạng Sơn	
29	Lâm Đồng	
30	Long An	
31	Nghệ An	
32	Ninh Bình	
33	Ninh Thuận	
34	Phú Thọ	
35	Phú Yên	
36	Quảng Bình	
37	Quảng Nam	
38	Quảng Ngãi	
39	Quảng Ninh	

40	Quảng Trị	
41	Sóc Trăng	
42	Sơn La	
43	Tây Ninh	
44	Thanh Hóa	
45	Thái Nguyên	
46	Thừa Thiên - Huế	
47	Trà Vinh	
48	Tuyên Quang	
49	Vĩnh Long	
50	Vĩnh Phúc	
51	Yên Bái	

Danh sách gồm: 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH
(*Danh sách bộ, ngành phát hành văn bản*).

Stt	Các bộ, ngành	Ghi chú
I	Các bộ	
1	Bộ Quốc phòng	
2	Bộ Công an	
3	Bộ Ngoại giao	
4	Bộ Tư pháp	
5	Bộ Tài chính	
6	Bộ Công Thương	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
12	Bộ Nội vụ	
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
16	Bộ Y tế	
17	Bộ Giao thông vận tải	
II	Cơ quan ngang bộ	
1	Văn phòng Chính phủ	
2	Thanh tra Chính phủ	
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
III	Cơ quan thuộc Chính phủ	
1	Đài Truyền hình Việt Nam	
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	
3	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	
4	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	
IV	Cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương	
1	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	

Danh sách gồm: 25 bộ, ngành./.